

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NINH BÌNH
TRƯỜNG THPT GIA VIỄN C

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYÊN ĐỔI SỐ
NĂM HỌC 2025 – 2026

NINH BÌNH, NĂM 2026

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NINH BÌNH
TRƯỜNG THPT GIA VIỄN C

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYÊN ĐỒ SỐ
NĂM HỌC 2025 – 2026

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Thị Thanh Hà	Phó Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Phạm Mạnh Cường	TPCM	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Lê Thị Lĩnh	Giáo viên	Thư ký Hội đồng	
4	Hà Mạnh Cường	TTCM	Ủy viên Hội đồng	
5	Đình Văn Phong	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
6	Phạm Thị Nguyệt	TTCM	Ủy viên Hội đồng	
7	Vũ Thị Mai	TTCM	Ủy viên Hội đồng	
8	Lê Thị Hạnh	TPCM	Ủy viên Hội đồng	
9	Trần Thị Mai	TTCM	Ủy viên Hội đồng	
10	Nguyễn Anh Đài	TPCM	Ủy viên Hội đồng	
11	Đình Thị Kim Dung	TTCM	Ủy viên Hội đồng	
12	Đào Văn Tạo	Bí thư Đoàn trường	Ủy viên Hội đồng	

TỈNH NINH BÌNH - NĂM 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Danh sách và chữ kí thành viên hội đồng tự đánh giá	1
Mục lục	2
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	3
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	4
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	5
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	5
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	5
I. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học	5
1. Tiêu chí 1.1	6
2. Tiêu chí 1.2	6
3. Tiêu chí 1.3	7
4. Tiêu chí 1.4	8
5. Tiêu chí 1.5	9
6. Tiêu chí 1.6	10
7. Tiêu chí 1.7	11
<i>Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học</i>	11
II. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	12
1. Tiêu chí 2.1	12
2. Tiêu chí 2.2	13
3. Tiêu chí 2.3	13
4. Tiêu chí 2.4	14
<i>Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục</i>	15
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	15
Phần IV. PHỤ LỤC	17-21

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

(Đánh dấu (×) vào ô kết quả tương ứng Kết quả đạt)

Tiêu chí	Kết quả đạt		
	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Nhóm tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học			
Tiêu chí 1.1			x
Tiêu chí 1.2			x
Tiêu chí 1.3			x
Tiêu chí 1.4			x
Tiêu chí 1.5			x
Tiêu chí 1.6			x
Tiêu chí 1.7		x	
Nhóm tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục			
Tiêu chí 2.1			x
Tiêu chí 2.2			x
Tiêu chí 2.3			x
Tiêu chí 2.4			x

Kết quả: Đạt Mức độ 3

2. Kết luận về mức độ chuyển đổi số: Đạt mức độ 3

Phần I **CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương: Ninh Bình

Xã / phường/thị trấn: Phường Tây Hoa Lu

Điện thoại: 02293830029

Fax

Email: gvc.ninhbinh@gmail.com

Website: <https://thptgiavienc.ninhbinh.edu.vn>

Đạt mức độ chuyển đổi số: Mức độ 3

1. Số học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên

- Tổng số học sinh toàn trường: 989

- Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 51

2. Nhân sự thực hiện chuyển đổi số

- **Ban chỉ đạo Chuyển đổi số:** Nhà trường đã thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số và ứng dụng Công nghệ thông tin (CNTT), do đồng chí Hiệu trưởng làm Trưởng ban, Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn làm Phó trưởng ban, cùng các tổ trưởng chuyên môn và bí thư Đoàn thanh niên làm ủy viên. Ban chỉ đạo thường xuyên họp bàn, phân công nhiệm vụ cụ thể và giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu chuyển đổi số trong năm học.

- **Cán bộ phụ trách CNTT:** Trường bố trí 03 giáo viên bộ môn Tin học kiêm nhiệm công tác quản trị mạng, hỗ trợ kỹ thuật và quản lý các phần mềm giáo dục. Đội ngũ nòng cốt này thường xuyên được tham gia các lớp tập huấn do Sở/Phòng GD&ĐT tổ chức để cập nhật kiến thức mới.

- **Năng lực ứng dụng CNTT của Cán bộ, Giáo viên, Nhân viên (CBGVNV):** 100% CBGVNV nhà trường có kỹ năng tin học cơ bản, sử dụng thành thạo các phần mềm quản lý trường học (vnEdu, SMAS...), phần mềm quản lý cán bộ, quản lý tài chính và thư viện. 100% giáo viên biết khai thác học liệu số, thiết kế bài giảng điện tử (PowerPoint, E-learning) và sử dụng các phần mềm hỗ trợ dạy học trực tuyến, các nền tảng kiểm tra đánh giá, đáp ứng tốt yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy của Chương trình GDPT 2018. 100% CBGVNV đã được cấp và sử dụng thường xuyên chữ ký số cá nhân trong việc ký duyệt giáo án, sổ điểm, học bạ điện tử và các văn bản hành chính.

3. Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin

- Hạ tầng mạng và kết nối:

+ Hệ thống mạng Internet cáp quang băng thông rộng được phủ sóng toàn trường, đảm bảo kết nối ổn định cho cả khu vực hiệu bộ và các dãy phòng học.

+ Hệ thống Wifi nội bộ được lắp đặt tại 02 điểm phát sóng, đáp ứng nhu cầu truy cập Internet phục vụ tra cứu tài liệu, dạy và học của giáo viên và học sinh.

- Trang thiết bị phục vụ quản lý và giảng dạy:

+ **Khu vực Hành chính - Quản lý:** Được trang bị 15 máy tính để bàn/laptop kết nối mạng, máy in, máy scan phục vụ công tác văn thư, kế toán, quản lý học sinh và điều hành của Ban Giám hiệu.

+ **Phòng Tin học:** Trường có 02 phòng máy tính thực hành với tổng số 45 máy tính kết nối Internet, đáp ứng đủ điều kiện dạy học môn Tin học theo chuẩn CTGDPT 2018.

+ **Hệ thống phần mềm và Cơ sở dữ liệu:** Nhà trường đang triển khai đồng bộ các nền tảng số gồm: Cổng thông tin điện tử của trường, Hệ thống quản lý nhà trường (quản lý điểm, học bạ, thời khóa biểu điện tử), phần mềm Kế toán, phần mềm Quản lý tài sản và hóa đơn điện tử. Hệ thống camera an ninh gồm [Số lượng] mắt camera được lắp đặt tại các khu vực trọng yếu (công trường, hành lang, sân trường), hỗ trợ đắc lực cho công tác quản lý nề nếp và đảm bảo an ninh trường học.

4. Các số liệu khác (nếu có): Không

Phần II TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

I. Tình hình chung của nhà trường

Trong những năm gần đây, chuyển đổi số trong giáo dục phổ thông đã trở thành yêu cầu mang tính tất yếu, gắn với nhiệm vụ đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Tại Trường THPT Gia Viễn C, công tác tự đánh giá chuyển đổi số được triển khai trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của ngành, đồng thời bám sát điều kiện thực tiễn của nhà trường. Với quy mô 989 học sinh và 51 cán bộ, giáo viên, nhân viên, nhà trường đã từng bước tổ chức thực hiện chuyển đổi số trong dạy học theo hướng có kế hoạch, có phân công trách nhiệm và có kiểm tra, giám sát. Nhìn chung, hoạt động này đã bước đầu đi vào nền nếp, tạo cơ sở cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, kiểm tra đánh giá và quản lý hoạt động học tập.

II. Mục đích tự đánh giá

Việc tự đánh giá chuyển đổi số được thực hiện nhằm xác định một cách khách quan, toàn diện thực trạng triển khai chuyển đổi số tại nhà trường; làm rõ những kết quả đạt được, những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân. Trên cơ sở đó, nhà trường đề ra các giải pháp cải tiến phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng dạy học, phát triển năng lực số cho giáo viên và học sinh, đồng thời từng bước hoàn thiện mô hình quản trị nhà trường trong môi trường số. Đây cũng là căn cứ quan trọng để xây dựng kế hoạch phát triển chuyển đổi số theo lộ trình bền vững, phù hợp với định hướng chung của ngành giáo dục.

III. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Quá trình tự đánh giá được tổ chức theo các tiêu chí cụ thể thuộc nhóm chuyển đổi số trong dạy, học, bảo đảm tính hệ thống và bám sát thực tiễn triển khai. Kết quả đánh giá cho thấy nhà trường đã đạt được nhiều điểm tích cực nổi bật như: ban hành đầy đủ kế hoạch, quy chế; triển khai tương đối đồng bộ các nền tảng dạy học trực tuyến và hệ thống quản lý học tập; bước đầu hình thành và khai thác hiệu quả kho học liệu số; tổ chức kiểm tra, đánh giá trên nền tảng số; phát triển đội ngũ giáo viên có năng lực ứng dụng công nghệ. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số vấn đề cần tiếp tục quan tâm như: sự chưa đồng đều về năng lực số giữa các giáo viên; hạn chế trong khai thác sâu các tính năng của hệ thống LMS/LCMS; điều kiện hạ tầng và thiết bị ở một số thời điểm chưa đáp ứng tối ưu; mức độ tham gia phối hợp của phụ huynh còn hạn chế. Những vấn đề này đặt ra yêu cầu phải có giải pháp đồng bộ, lâu dài nhằm nâng cao hiệu quả triển khai chuyển đổi số trong thời gian tới.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học

Mở đầu:

Trong bối cảnh chuyển đổi số trở thành xu thế tất yếu của giáo dục phổ thông, việc triển khai chuyển đổi số tại các nhà trường nhằm nâng cao chất lượng dạy học, tối ưu quản lý và tạo môi trường học tập linh hoạt, hiệu quả là yêu cầu quan trọng. Trên tinh thần đó, Báo cáo chuyển đổi số của Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học được xây dựng nhằm đánh giá hiện trạng, phân tích nhu cầu và đề xuất định hướng triển khai phù hợp với điều kiện thực tế của trường.

Tại THPT Gia Viễn C, với 989 học sinh và 51 cán bộ, giáo viên, nhân viên, nhà trường có quy mô vừa và tương đối đồng đều về đối tượng thụ hưởng, tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức các hoạt động chuyển đổi số theo lộ trình. Phạm vi tiêu chuẩn tập trung vào các nội dung cốt lõi liên quan đến đổi mới phương pháp dạy học và học tập thông qua công nghệ số, bao gồm: số hóa học liệu, tổ chức dạy học trực tuyến/ kết hợp, ứng dụng nền tảng

quản lý học tập, tăng cường kiểm tra đánh giá theo hướng dữ liệu, đồng thời hình thành năng lực số cho giáo viên và học sinh.

Báo cáo này được thực hiện theo cấu trúc tiêu chuẩn nhằm đảm bảo tính hệ thống, có cơ sở đánh giá và định hướng cải tiến. Trên cơ sở phân tích chung, nhà trường xác định chuyển đổi số trong dạy, học không chỉ là ứng dụng công cụ, mà còn là quá trình thay đổi cách tổ chức, quản trị hoạt động học tập và nâng cao hiệu quả sư phạm dựa trên dữ liệu. Từ đó làm nền tảng cho việc triển khai các mục tiêu cụ thể ở các phần tiếp theo của báo cáo.

1. Tiêu chí 1.1 Ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp)

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã ban hành các văn bản làm cơ sở triển khai dạy học trực tuyến kết hợp dạy học trực tiếp và hoạt động chuyển đổi số trong năm học, gồm:

Kế hoạch số 29/KH-GVC ngày 25/09/2025 về tổ chức dạy học trực tuyến kết hợp trực tiếp năm học 2025–2026;

Kế hoạch số 27/KH-GVC ngày 22/09/2025 về Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong nhà trường.

Nội dung kế hoạch được xây dựng bảo đảm đầy đủ các nội dung theo Điều 15, Thông tư 09/2021/TT-BGDĐT, đồng thời gắn với kế hoạch giáo dục năm học, làm rõ quy trình tổ chức dạy học theo từng học kỳ/đợt, phân công trách nhiệm và phương án triển khai trong điều kiện thực tế của nhà trường.

b) Điểm mạnh

Kế hoạch có cấu trúc rõ ràng, chi tiết, thể hiện sự lồng ghép chặt chẽ với kế hoạch giáo dục năm học, tạo tính đồng bộ giữa định hướng chuyên môn và triển khai thực hiện.

Có phân công nhiệm vụ cụ thể cho các tổ chuyên môn và cá nhân liên quan, giúp đảm bảo tính chủ động trong tổ chức thực hiện, đồng thời thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát tiến độ triển khai.

c) Điểm yếu

Một số ít giáo viên còn lúng túng trong việc tổ chức, lồng ghép linh hoạt giữa thời lượng dạy học trực tuyến và trực tiếp, dẫn đến việc điều phối hoạt động học tập theo hình thức kết hợp chưa thực sự tối ưu.

d) Kế hoạch cải tiến

- Tổ chức họp chuyên đề để chia sẻ kinh nghiệm về điều phối thời lượng dạy học trực tuyến kết hợp trực tiếp hiệu quả, xây dựng các gợi ý/khung thực hiện theo từng môn học.

- Tổ chức họp chuyên môn định kỳ nhằm rà soát việc thực hiện kế hoạch, đánh giá mức độ phù hợp của thời lượng và nội dung giữa hai hình thức, từ đó điều chỉnh kịp thời.

- Tăng cường tập huấn giáo viên về tổ chức dạy học trực tuyến/kết hợp, trọng tâm là thiết kế tiến trình dạy học, tổ chức tương tác và quản lý hoạt động học của học sinh trong môi trường số.

e) Tự đánh giá: Đạt

Kết luận về Tiêu chí 1.1: Đạt

2. Tiêu chí 1.2. Ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã ban hành đầy đủ các quy định nội bộ để tổ chức dạy học trực tuyến bảo đảm tính thông nhất, an toàn và hiệu quả, cụ thể:

- Quyết định số 61/QC-GVC ngày 23/09/2025 ban hành Quy chế Tổ chức dạy học trực tuyến năm học 2025–2025. Quy chế nêu rõ các nội dung cốt lõi như: hình thức tương tác trong quá trình học trực tuyến; cách thức tổ chức hoạt động dạy học; phương thức kiểm tra, đánh giá; cơ chế quản lý dữ liệu phục vụ dạy học và quản lý nhà trường.

- Quyết định số 66/QĐ-GVC ngày 03/10/2025 ban hành Quy chế đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong việc sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý và dạy học năm học 2025–2026.

Việc ban hành các quy chế nêu trên thể hiện sự quan tâm đồng bộ giữa yêu cầu chuyên môn và yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin trong môi trường dạy học trực tuyến.

b) Điểm mạnh

Quy chế quy định rõ trách nhiệm của các bên liên quan, trong đó đặc biệt thể hiện cơ chế quản lý, phân công và chế độ làm việc đối với giáo viên, tạo nền tảng để tổ chức dạy học trực tuyến đi vào nề nếp.

Các nội dung về tương tác, kiểm tra đánh giá và quản lý dữ liệu được quy định tương đối đầy đủ, giúp nhà trường thống nhất triển khai trong toàn đơn vị.

c) Điểm yếu

Việc giám sát việc thực hiện quy chế tại một số lớp học trực tuyến đôi lúc chưa kịp thời, do còn phụ thuộc vào lịch kiểm tra và quá trình theo dõi theo từng thời điểm.

d) Kế hoạch cải tiến

Tăng cường kiểm tra đột xuất đối với các lớp học ảo trên hệ thống nhằm đánh giá trực tiếp việc tuân thủ quy chế; kịp thời chấn chỉnh các tồn tại về tổ chức tương tác, kiểm tra đánh giá và quản lý dữ liệu.

e) Tự đánh giá: Đạt

Kết luận về Tiêu chí 1.2: Đạt

3. Tiêu chí 1.3. Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã ban hành các kế hoạch làm cơ sở triển khai dạy học trực tuyến kết hợp, đồng thời thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, gồm:

- Kế hoạch số 29/KH-GVC ngày 25/09/2025 về tổ chức dạy học trực tuyến kết hợp trực tiếp năm học 2025–2026;

- Kế hoạch số 27/KH-GVC ngày 22/09/2025 về Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong nhà trường.

Trên cơ sở đó, nhà trường triển khai hiệu quả các phần mềm/nền tảng dạy học trực tuyến phục vụ công tác giảng dạy và quản lý học tập của giáo viên và học sinh, cụ thể:

- Nền tảng dạy học trực tuyến và tương tác thời gian thực: Nhà trường sử dụng OLM, ứng dụng ôn luyện, Zalo, Google Meet, Microsoft Teams... để tổ chức các hoạt động dạy học trực tuyến. Các nền tảng bảo đảm các chức năng cơ bản như:

- Giáo viên tổ chức giảng dạy, chia sẻ bài giảng/học liệu thông qua hình ảnh, âm thanh, trình chiếu;

- Học sinh tham gia học tập đồng thời, tương tác trực tiếp với giáo viên thông qua trao đổi, thảo luận và đặt câu hỏi trong thời gian thực.

Hệ thống LMS/LCMS (hệ thống quản lý và quản trị học tập): Nhà trường triển khai thông qua OLM, Zalo, ứng dụng ôn luyện, Google Classroom, K12Online (hình thức thuê dịch vụ theo quy định). Hệ thống đảm bảo các chức năng trọng tâm:

(1) Giao nhiệm vụ học tập: Giáo viên giao bài tập và tài liệu theo từng lớp, từng chủ đề;

(2) Giải đáp thắc mắc: Giáo viên hỗ trợ, phản hồi và giải đáp câu hỏi kịp thời;

(3) Kiểm tra, đánh giá: Tổ chức kiểm tra thường xuyên (trắc nghiệm, tự luận), chấm điểm và phản hồi kết quả trực tuyến;

(4) Sự tham gia của phụ huynh: Phụ huynh theo dõi tiến trình học tập và kết quả học tập của học sinh qua hệ thống hoặc kênh liên kết.

Giá trị sử dụng của LMS/LCMS:

- Lưu trữ và quản lý học liệu số (bài giảng, đề ôn luyện, tài liệu bổ trợ...);

- Theo dõi tiến trình học tập của học sinh;

- Quản lý hoạt động dạy học của giáo viên;
- Hỗ trợ báo cáo, thống kê dữ liệu phục vụ quản lý và điều chỉnh hoạt động chuyên môn.

Việc triển khai được thực hiện đồng bộ toàn trường, dữ liệu được khai thác thường xuyên, liên tục trong quá trình tổ chức dạy học.

b) Điểm mạnh

Nhà trường chủ động triển khai đa dạng nền tảng/phần mềm dạy học trực tuyến, đáp ứng tốt yêu cầu chuyển đổi số trong dạy học.

100% giáo viên sử dụng thành thạo các phần mềm dạy học trực tuyến, đảm bảo việc tổ chức hoạt động học tập đúng quy trình.

Hệ thống LMS/LCMS được khai thác hiệu quả, đáp ứng đầy đủ các chức năng giao nhiệm vụ, hỗ trợ học tập, kiểm tra đánh giá và quản lý dữ liệu.

Học sinh tích cực tham gia, tương tác tương đối tốt trong các hoạt động học tập trực tuyến.

Dữ liệu dạy học được lưu trữ, quản lý khoa học, phục vụ kiểm tra, đánh giá và công tác quản lý chuyên môn.

c) Điểm yếu

Một số học sinh còn hạn chế về thiết bị học tập và điều kiện đường truyền internet, ảnh hưởng đến mức độ tham gia học tập trực tuyến.

Việc khai thác một số tính năng nâng cao của LMS/LCMS chưa đồng đều giữa các giáo viên.

Sự tham gia trực tiếp của phụ huynh trên hệ thống còn hạn chế, dẫn đến việc phối hợp hỗ trợ học sinh chưa đạt mức tối ưu.

d) Kế hoạch cải tiến

Tiếp tục tập huấn nâng cao năng lực sử dụng LMS/LCMS cho giáo viên, trọng tâm là khai thác các tính năng nâng cao phục vụ kiểm tra đánh giá và theo dõi tiến trình học tập.

Tăng cường hướng dẫn học sinh khai thác hiệu quả học liệu số, quy trình làm bài, nộp bài và tương tác trong môi trường học trực tuyến.

Đẩy mạnh phối hợp với phụ huynh trong việc theo dõi, động viên và hỗ trợ học sinh học tập trực tuyến thông qua kênh/hệ thống đã triển khai.

Đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, đảm bảo đường truyền ổn định để giảm gián đoạn trong quá trình dạy học trực tuyến.

Khuyến khích giáo viên sử dụng sâu các tính năng kiểm tra, đánh giá và phân tích dữ liệu học tập, từ đó điều chỉnh hoạt động dạy học theo kết quả học tập của học sinh.

e) Tự đánh giá

Chỉ số	Điểm số
Triển khai đầy đủ phần mềm dạy học trực tuyến và hệ thống LMS/LCMS	6,0
Giáo viên giao bài cho học sinh tự học	5,0
Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh	4,0
Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên	4,0
Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh	4,0

Tổng điểm: 23,0; Đạt mức độ 3.

Kết luận về Tiêu chí 1.3: Đạt mức độ 3

4. Tiêu chí 1.4. Số hoá các học liệu

a) Mô tả hiện trạng

Trong quá trình triển khai, giáo viên đã chủ động ứng dụng các nền tảng số, phần mềm dạy học và công cụ thiết kế học liệu nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động dạy học. Việc thẩm định học liệu được thực hiện nghiêm túc thông qua sinh hoạt chuyên môn, góp ý đồng nghiệp và rà soát chất lượng theo tiêu chí thống nhất của tổ chuyên môn. Nhìn chung, việc xây dựng học liệu số đã góp phần tích cực trong đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao hiệu quả quản lý chuyên môn và từng bước hình thành môi trường dạy học số trong nhà trường.

Kết quả thực hiện cho thấy tổ chuyên môn đã hoàn thành thẩm định 50 học liệu số, bảo đảm cả về số lượng và chất lượng theo yêu cầu kế hoạch đề ra. Nội dung học liệu cơ bản bám sát Chương trình môn học, đáp ứng yêu cầu cần đạt của từng chủ đề, từng bài học và phù hợp với định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh theo Chương trình GDPT 2018.

Minh chứng:

- Báo cáo kết quả thẩm định học liệu số của Trường THPT Gia Viễn C về danh mục học liệu đã được phê duyệt.

- Quyết định số 96/QĐ-GVC ngày 10/4/2026 Phê duyệt học liệu kỹ thuật số của Hiệu trưởng trường THPT Gia Viễn C.

b) Điểm mạnh

Chất lượng học liệu số nhìn chung đáp ứng yêu cầu chuyên môn; nhiều sản phẩm được đầu tư công phu, có tính sáng tạo và khả năng ứng dụng thực tiễn cao.

Nội dung học liệu bảo đảm tính chính xác khoa học, phù hợp với đối tượng học sinh, hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động dạy học theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến; qua đó tăng cường tính trực quan, tính tương tác và khả năng tự học của học sinh.

Nhiều học liệu đã phát huy hiệu quả trong kiểm tra đánh giá thường xuyên, tổ chức hoạt động trải nghiệm và phân hóa đối tượng học sinh.

c) Điểm yếu

Năng lực công nghệ thông tin và kỹ năng thiết kế học liệu số giữa các giáo viên chưa đồng đều. Một số giáo viên trẻ tiếp cận nhanh các công nghệ mới, tạo sản phẩm có tính sáng tạo cao; tuy nhiên, một bộ phận giáo viên lớn tuổi còn gặp khó khăn khi sử dụng phần mềm, xử lý kỹ thuật và khai thác các nền tảng số, dẫn đến chất lượng học liệu chưa thật sự đồng đều giữa các bộ môn.

Một số học liệu số còn thiên về trình chiếu đơn giản, chưa khai thác tốt yếu tố tương tác; vì vậy, mức độ hỗ trợ phát triển phẩm chất và năng lực học sinh chưa đạt tối ưu.

Việc cập nhật, chỉnh sửa và chuẩn hóa học liệu ở một số trường hợp còn chậm; chưa hình thành đầy đủ quy trình quản lý, cập nhật và lưu trữ khoa học, làm hạn chế khả năng khai thác sử dụng lâu dài.

d) Kế hoạch cải tiến

Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số theo hướng thực chất, hiệu quả và bền vững; lấy chất lượng học liệu số làm một trong những tiêu chí quan trọng để nâng cao chất lượng dạy học và quản lý chuyên môn.

Nhà trường quan tâm đầu tư bổ sung thiết bị công nghệ, nâng cấp hạ tầng mạng; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi về thời gian để giáo viên nghiên cứu, thiết kế và hoàn thiện học liệu số chất lượng cao.

Tổ chức bồi dưỡng, hỗ trợ chuyên môn theo nhóm năng lực: tập trung hướng dẫn sử dụng công cụ thiết kế, chuẩn hóa cấu trúc học liệu và phương thức tăng tính tương tác; ưu tiên triển khai theo chuyên đề để nhân rộng các sản phẩm mẫu.

e) Tự đánh giá:

Tổng điểm 10,0 Đạt Mức độ 3

Kết luận về Tiêu chí 1.4: Đạt mức độ 3

5. Tiêu chí 1.5. Tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục, trong đó các tổ/nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập (thường xuyên) theo hình thức phù hợp với điều kiện thực tế. Việc tổ chức thực hiện được thực hiện trên máy tính của nhà trường hoặc máy tính cá nhân của giáo viên, bảo đảm tiến độ và quản trị dữ liệu.

Cụ thể, nhóm Tin và Tiếng Anh tổ chức kiểm tra/thi tại phòng máy; các nhóm còn lại (chiếm trên 60% giáo viên) giao nhiệm vụ và cho học sinh thực hiện bài kiểm tra thông qua phần mềm OLM.

Đối với hoạt động ôn thi và đánh giá định kỳ, nhà trường phối hợp với Sở Giáo dục tổ chức tập huấn xây dựng học liệu số ôn thi tốt nghiệp cho học sinh khối 12; đồng thời tổ chức cho học sinh khối 12 tham gia thi thử 4 đợt trực tuyến theo kế hoạch của Sở thông qua app Ôn luyện.

Các phần mềm phục vụ thi/kiểm tra của nhà trường có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường, tạo điều kiện đồng bộ dữ liệu phục vụ tổng hợp, báo cáo và theo dõi kết quả học tập. Nhà trường hiện có 02 phòng máy (trên 40 máy tính được trang bị kết nối LAN và Internet), đồng thời phối hợp với phụ huynh hỗ trợ thiết bị và điều kiện cho học sinh tham gia thi trực tuyến, sử dụng các phần mềm nhà trường đã đăng ký mua (OLM, Ôn luyện,...).

b) Điểm mạnh

Giảm thiểu sai sót trong chấm bài và nhập liệu thủ công, nâng cao tính chính xác và kịp thời trong xử lý kết quả.

Ngân hàng câu hỏi được số hóa đồng bộ, hỗ trợ đảo đề linh hoạt, qua đó tăng cường khách quan và đảm bảo công bằng trong thi cử.

Phụ huynh và học sinh có thể tra cứu kết quả ngay sau khi hoàn thành bài thi (đối với bài trắc nghiệm), góp phần nâng cao tính minh bạch và tăng động lực học tập.

Phát huy tinh thần tự giác, tích cực của học sinh trong ôn luyện và chuẩn bị bài thông qua các hoạt động học tập trên nền tảng số.

c) Điểm yếu

Hạ tầng mạng nội bộ tại phòng máy đôi khi xuất hiện tình trạng nghẽn mạng cục bộ khi số lượng học sinh truy cập cùng thời điểm, ảnh hưởng phần nào đến tiến trình làm bài.

Kỹ năng xử lý sự cố phần mềm nhỏ của một số ít giáo viên coi thi còn chưa thật sự nhanh nhạy và đồng bộ, dẫn đến thời gian xử lý khi phát sinh tình huống có thể kéo dài.

d) Kế hoạch cải tiến

Nâng cấp băng thông đường truyền Internet riêng cho khu vực phòng máy tính trước kỳ thi học kỳ, nhằm hạn chế nghẽn mạng và tăng độ ổn định trong quá trình học sinh làm bài.

Tổ chức buổi tập huấn ngắn hạn cho toàn thể cán bộ, giáo viên về “Quy trình xử lý sự cố kỹ thuật trong phòng thi trực tuyến”, tập trung các tình huống thường gặp và cách khắc phục theo thứ tự ưu tiên.

Tổ chức tập huấn đồng bộ cho giáo viên về xây dựng ngân hàng câu hỏi và giám sát quá trình kiểm tra của học sinh trên nền tảng số, bảo đảm thống nhất quy trình và năng lực triển khai.

e) Tự đánh giá:

Tổng điểm 16,0 Đạt Mức độ 3

Kết luận về Tiêu chí 1.5: Đạt mức độ 3

6. Tiêu chí 1.6. Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số

a) Mô tả hiện trạng

Tỉ lệ giáo viên có tài khoản và sử dụng Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng chủ động, thường xuyên theo nhu cầu

- Mức độ đạt được: Nhà trường đạt 100% giáo viên có tài khoản và thực hiện hoạt động thường xuyên trên hệ thống bồi dưỡng trực tuyến của Bộ Giáo dục và Đào tạo (tại địa chỉ taphuan.csdl.edu.vn).

- Mô tả chi tiết: 100% cán bộ quản lý và giáo viên đã hoàn thành các module bồi dưỡng theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Giáo viên chủ động truy cập hệ thống để tự học, cập nhật kiến thức, đồng thời nộp hồ sơ minh chứng đánh giá chuẩn nghề nghiệp hàng năm theo quy trình, bảo đảm tính chuyên nghiệp.

- Mã minh chứng: Danh sách tài khoản giáo viên trên hệ thống TEMIS; Giấy chứng nhận hoàn thành các module bồi dưỡng trực tuyến.

Tỉ lệ giáo viên có khả năng khai thác, sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học

- Mức độ đạt được: Đạt trên 85% giáo viên sử dụng thành thạo các phần mềm hỗ trợ dạy học.

- Mô tả chi tiết: Giáo viên tích cực ứng dụng các phần mềm tương tác (như Kahoot, Quizizz, Padlet) và các phần mềm chuyên môn (như GeoGebra trong Toán học, Google Earth trong Địa lý, các phòng thí nghiệm ảo). Việc sử dụng thiết bị thông minh và bảng tương tác tại các phòng học bộ môn được duy trì như hoạt động thường xuyên, góp phần tăng tính sinh động, tăng mức độ tương tác trong bài giảng.

- Mã minh chứng: Kế hoạch bài dạy (giáo án) thể hiện ứng dụng CNTT; Hình ảnh, video các tiết dạy có sử dụng công cụ tương tác số.

Tỉ lệ giáo viên có khả năng xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử

- Mức độ đạt được: Khoảng 80%–85% giáo viên có khả năng tự thiết kế học liệu số chất lượng cao.

- Mô tả chi tiết: Giáo viên không chỉ dừng ở việc xây dựng bài giảng trình chiếu (PowerPoint) mà đã từng bước chuyển sang thiết kế bài giảng E-learning (theo chuẩn SCORM), xây dựng video bài giảng ngắn, sơ đồ tư duy tương tác và hệ thống câu hỏi trắc nghiệm trực tuyến. Nhiều sản phẩm được đóng góp vào kho học liệu dùng chung của trường và tham gia các kỳ thi thiết kế bài giảng điện tử cấp tỉnh/thành phố.

- Mã minh chứng: Kho học liệu số của nhà trường trên nền tảng lưu trữ (Google Drive/OneDrive); Quyết định khen thưởng hoặc danh sách giáo viên đạt giải trong các cuộc thi thiết kế bài giảng điện tử.

b) Điểm mạnh

Đội ngũ giáo viên trẻ, nhiệt huyết, có khả năng tiếp cận nhanh với công nghệ mới và sẵn sàng triển khai trong hoạt động dạy học.

Nhà trường thường xuyên tổ chức tập huấn nội bộ về kỹ năng số, giúp giáo viên nâng cao năng lực ứng dụng công cụ và hình thành thói quen sử dụng học liệu số.

c) Điểm yếu

Một số ít giáo viên lớn tuổi còn gặp khó khăn trong việc thiết kế học liệu số phức tạp, đặc biệt là các bài giảng E-learning có mức độ tương tác cao, chuẩn hóa và yêu cầu kỹ thuật.

d) Kế hoạch cải tiến

Để phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số theo hướng nâng cao chất lượng thực chất, nhà trường tập trung cải tiến các nội dung trọng tâm sau:

- Duy trì 100% giáo viên khai thác hiệu quả Hệ thống bồi dưỡng trực tuyến, bảo đảm hoàn thành chương trình và vận dụng vào thực tiễn dạy học.

- Nâng cao kỹ năng xây dựng bài giảng điện tử tương tác (E-learning, video bài giảng) cho nhóm giáo viên còn hạn chế; ưu tiên hướng dẫn theo mô-đun, có sản phẩm đầu ra cụ thể.

- Số hóa và chuẩn hóa kho học liệu dùng chung của các tổ chuyên môn, bảo đảm tính kế thừa, khả năng tìm kiếm và chia sẻ giữa các bộ môn.

- Rà soát, nâng cấp điều kiện hạ tầng (đường truyền internet tại phòng họp hội đồng và phòng máy tính) nhằm bảo đảm giáo viên có thể thực hiện bồi dưỡng trực tuyến và khai thác học liệu tại trường thuận lợi, ổn định.

e) Tự đánh giá:

Tổng điểm 15,0 Đạt Mức độ 3

Kết luận về Tiêu chí 1.6: Đạt mức độ 3

7. Tiêu chí 1.7. Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường hiện có 24 phòng học và 01 phòng hội đồng. Các phòng học, phòng hội đồng đã được trang bị đầy đủ máy chiếu (Projector) hoặc màn hình tương tác thông minh, đồng thời có kết nối Internet tốc độ cao thông qua hệ thống Wifi và mạng LAN. Nhờ đó, tỷ lệ đáp ứng hạ tầng phục vụ dạy học trực tuyến/kết hợp và học tập số đạt 100%.

Đối với môn Tin học, nhà trường bố trí dạy học tại 02 phòng máy tính. Các máy tính được trang bị cấu hình đáp ứng tốt yêu cầu chương trình GDPT 2018, đồng thời có máy chiếu (Projector) hoặc màn hình tương tác thông minh và kết nối Internet tốc độ cao qua Wifi/LAN.

b) Điểm mạnh

Hạ tầng Internet phủ sóng ổn định trong khu vực lớp học và phòng chức năng, tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên và học sinh truy cập, khai thác các nền tảng học tập số mọi lúc, mọi nơi.

Hệ thống thiết bị trình chiếu/tương tác trong các phòng học giúp tăng khả năng tổ chức hoạt động học tập theo hướng hiện đại, hỗ trợ triển khai dạy học số hóa và tương tác trong giờ học.

c) Điểm yếu

Phòng học Tin học chưa đáp ứng quy mô theo lớp, hiện còn tình trạng phải chia ca với sĩ số khoảng 20–24 học sinh/1 ca, ảnh hưởng đến tiến độ và tính đồng đều trong tổ chức hoạt động thực hành.

Nhà trường chưa có studio với đầy đủ thiết bị phục vụ thu, biên tập học liệu số và tổ chức bài giảng/hoạt động dạy học có chất lượng chuyên môn cao.

Một số thiết bị có dấu hiệu nhanh xuống cấp, có thể phát sinh gián đoạn trong quá trình dạy học và khai thác học liệu số.

d) Kế hoạch cải tiến

Xây dựng và triển khai kế hoạch để giáo viên Tin học tổ chức, quản lý học sinh theo đúng kế hoạch giáo dục, bảo đảm tiến độ thực hành, phân luồng hợp lý khi học theo ca.

Tổ chức thiết kế góc thư viện số (gồm máy tính và thiết bị phụ trợ) nhằm hỗ trợ xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử; đồng thời tổ chức tập huấn/hướng dẫn để giáo viên có thể chủ động tự làm học liệu, triển khai nội dung số tại nhà, giảm phụ thuộc thiết bị và tăng tính chủ động.

e) Tự đánh giá:

Tổng điểm: 13,0 Đạt Mức độ 2

Kết luận về Tiêu chí 1.7: Đạt mức độ 2

Kết luận nhóm tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học

Trên cơ sở kết quả đánh giá lần lượt các tiêu chí 1 đến 7 thuộc Nhóm tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học, có thể nhận thấy THPT Gia Viễn C đã quan tâm triển khai chuyển đổi số theo hướng có kế hoạch, có tổ chức, từng bước hình thành nền nếp ứng dụng công nghệ trong hoạt động dạy học.

Nhà trường đã chủ động xây dựng các văn bản chỉ đạo, tổ chức triển khai hoạt động dạy học trực tuyến/kết hợp; đồng thời quan tâm đến việc sử dụng công nghệ thông tin nhằm hỗ trợ tổ chuyên môn và giáo viên trong tổ chức hoạt động học tập.

Việc ứng dụng chuyển đổi số trong dạy, học bước đầu tạo ra một số chuyển biến tích cực như: tăng tính chủ động trong tiếp cận học liệu, hỗ trợ tổ chức hoạt động dạy học linh hoạt hơn, góp phần đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực. Tuy nhiên, kết quả đánh giá cũng chỉ ra vẫn còn tồn tại một số hạn chế mang tính hệ thống, chủ yếu liên quan đến mức độ đồng đều trong năng lực số của giáo viên, việc lồng ghép linh hoạt giữa dạy trực tiếp và trực tuyến, cũng như việc chuẩn hóa quy trình dạy học và khai thác dữ liệu trong dạy học ở một số nội dung.

Tiêu chuẩn I - Chuyển đổi số trong dạy, học tại THPT Gia Viễn C được triển khai theo hướng phù hợp điều kiện thực tế của nhà trường và bước đầu đạt được những kết quả quan trọng. Nhà trường đã có căn cứ chỉ đạo rõ ràng, có phân công trách nhiệm và đã triển khai các hoạt động nhằm thúc đẩy ứng dụng công nghệ trong dạy học.

Trong thời gian tới, để nâng cao mức độ đáp ứng của tiêu chuẩn, nhà trường cần tiếp tục tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm:

1. Nâng cao năng lực số và kỹ năng tổ chức dạy học kết hợp cho giáo viên (tăng tập huấn theo nhu cầu, theo chuyên đề);
2. Chuẩn hóa quy trình dạy học số và đảm bảo tính thống nhất trong tổ/nhóm chuyên môn;
3. Đẩy mạnh khai thác học liệu số, tăng cường hoạt động tương tác và kiểm tra đánh giá theo định hướng năng lực, bảo đảm hiệu quả sư phạm;
4. Tăng cường công tác rà soát, điều chỉnh theo dữ liệu/hiệu quả thực hiện, bảo đảm lộ trình triển khai chuyển đổi số bền vững.

II. Nhóm tiêu chí chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục

Mở đầu:

Trong bối cảnh đổi mới quản lý giáo dục theo hướng hiện đại, minh bạch và hiệu quả, chuyển đổi số trong quản trị nhà trường giữ vai trò then chốt, góp phần nâng cao chất lượng điều hành, tối ưu hóa quy trình và tăng cường khả năng kết nối giữa các chủ thể trong và ngoài nhà trường. Đối với Trường THPT Gia Viễn C, việc triển khai chuyển đổi số trong quản trị được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, gắn liền với quá trình đổi mới toàn diện hoạt động giáo dục và phù hợp với định hướng chung của ngành.

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình, nhà trường đã chủ động xây dựng bộ máy chỉ đạo, ban hành kế hoạch và tổ chức triển khai các nội dung chuyển đổi số trong quản trị theo lộ trình cụ thể. Nội dung đánh giá tập trung vào các khía cạnh cơ bản như: tổ chức bộ phận chỉ đạo chuyển đổi số; xây dựng và ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin; triển khai các phần mềm quản trị nhà trường; cung cấp và vận hành các dịch vụ công trực tuyến. Việc đánh giá được thực hiện theo các tiêu chí cụ thể, bảo đảm tính hệ thống, khách quan và phù hợp với điều kiện thực tiễn của đơn vị.

Thông qua hoạt động tự đánh giá, nhà trường hướng tới việc nhận diện rõ mức độ đáp ứng của từng nội dung quản trị số, từ đó có cơ sở điều chỉnh, hoàn thiện quy trình quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động và từng bước xây dựng môi trường quản trị giáo dục hiện đại, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay.

1. Tiêu chí 2.1. Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số.

a. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường đã ban hành Quyết định số 63/QĐ-GVC ngày 29/9/2025 về việc thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin tại Trường THPT Gia Viễn C. Quyết định nêu rõ tên gọi, thành phần, chức năng, nhiệm vụ và phạm vi hoạt động của

Ban chỉ đạo, làm căn cứ tổ chức triển khai các nhiệm vụ liên quan đến ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong toàn trường.

Văn bản được công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường nhằm bảo đảm tính minh bạch, đồng thời được lưu trữ đầy đủ tại bộ phận văn thư theo đúng quy định về quản lý hồ sơ hành chính. Sau khi thành lập, Ban chỉ đạo đã thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, bước đầu phát huy vai trò điều phối, chỉ đạo và giám sát các hoạt động chuyển đổi số trong nhà trường.

b. Điểm mạnh:

Quyết định thành lập Ban chỉ đạo bảo đảm đầy đủ thành phần theo quy định, với cơ cấu tổ chức rõ ràng, hợp lý: Hiệu trưởng giữ vai trò Trưởng ban, các Phó Hiệu trưởng là Phó Trưởng ban, các tổ trưởng và nhóm trưởng chuyên môn là ủy viên. Cơ cấu này giúp huy động được sự tham gia của các lực lượng nòng cốt trong nhà trường, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chỉ đạo thống nhất, đồng bộ từ cấp quản lý đến tổ chuyên môn.

Sự phân công nhiệm vụ cụ thể góp phần nâng cao tính chủ động, trách nhiệm của từng thành viên, đồng thời tăng hiệu quả phối hợp trong quá trình triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số.

c. Điểm yếu: không

d. Kế hoạch cải tiến: không

e. Tự đánh giá: Tiêu chí 2.1: Đạt mức độ 3.

2. Nhóm tiêu chí 2.2. Cơ sở giáo dục ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, CDS.

a. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường đã xây dựng và ban hành Kế hoạch số 27/KH-GVC ngày 22/9/2025 về việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong nhà trường. Kế hoạch xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, lộ trình thực hiện và các giải pháp trọng tâm nhằm thúc đẩy chuyển đổi số trong cả hoạt động dạy học và quản trị.

Nội dung kế hoạch bám sát định hướng chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình, đồng thời được điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Kế hoạch đã được công khai trên website nhà trường và lưu trữ tại bộ phận văn thư theo đúng quy định, bảo đảm tính công khai, minh bạch và thuận tiện cho việc theo dõi, kiểm tra.

b. Điểm mạnh:

- Kế hoạch được xây dựng một cách chi tiết, có hệ thống, xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp cụ thể trong từng lĩnh vực của công tác chuyển đổi số.

- Trong kế hoạch có sự phân công trách nhiệm rõ ràng gắn với từng bộ phận, cá nhân, qua đó bảo đảm tính khả thi trong tổ chức thực hiện và thuận lợi cho công tác kiểm tra, đánh giá.

- Các nội dung và yêu cầu trong kế hoạch được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường, vừa bảo đảm định hướng chung của ngành, vừa đáp ứng khả năng triển khai trong thực tế.

c. Điểm yếu: không

d. Kế hoạch cải tiến: không

e. Tự đánh giá: Tiêu chí 2.2: Đạt mức độ 3.

3. Nhóm tiêu chí 2.3. Cơ sở giáo dục triển khai các phần mềm quản trị nhà trường

a. Mô tả hiện trạng:

- Nhà trường có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị trong nhà trường: Quyết định số 66/QĐ-GVC ngày 03/10/2025 về việc ban hành Quy chế đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong ứng dụng CNTT và Chuyển đổi số trong quản lý và dạy học năm học 2025-2026. Quy chế được lưu đăng tải công khai trên trang website nhà trường và lưu hồ sơ văn thư, bộ phận phụ trách theo quy định.

- Nhà trường có triển khai phần mềm quản trị nhà trường vnedu.vn do VNPT Ninh Bình cung cấp, gói dịch vụ được đăng ký gia hạn theo từng năm học. Trong gói dịch vụ này bao gồm: quản lý kết quả học tập của học sinh, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, sổ liên lạc điện tử để trao đổi giữa nhà trường và phụ huynh học sinh, phân hệ quản lý đội ngũ CBGVNV... Phần mềm có kết nối và trao đổi dữ liệu với CSDL ngành do Bộ GDĐT quản lý.

- Bên cạnh đó, nhà trường cũng sử dụng phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ CCVC do VNPT cung cấp theo yêu cầu của Sở Nội vụ tỉnh Ninh Bình; phần mềm quản lý kế toán trực tuyến, quản lý cơ sở vật chất do công ty MISA cung cấp.

b. Điểm mạnh:

- Đa số các hoạt động của nhà trường đã sử dụng các phần mềm trực tuyến để phục vụ cho công tác quản lý, dạy và học trong nhà trường. Các phần mềm này đều do các công ty, nhà mạng uy tín cung cấp.

- Có quy chế an toàn, an ninh thông tin để cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường làm căn cứ để thực hiện trong việc sử dụng, khai thác an toàn, hiệu quả thông tin trên các hệ thống quản lý trực tuyến.

c. Điểm yếu:

- Chưa triển khai phân hệ quản lý thư viện điện tử. Công tác quản lý thư viện mới chỉ dừng lại ở lưu trữ trên hồ sơ giấy và file mềm excell.

- Hệ thống quản lý CSVC mới chỉ dừng lại ở quản lý danh mục thiết bị phục vụ cho dạy và học, chưa quản lý được toàn bộ danh mục Cơ sở vật chất hiện có trong nhà trường.

- Phân hệ quản lý thông tin y tế trường học: chưa được cập nhật thường xuyên tình trạng sức khỏe học sinh, mới chỉ thực hiện theo kỳ báo cáo.

d. Kế hoạch cải tiến:

- Tiếp tục sử dụng có hiệu quả các phần mềm quản lý trực tuyến hiện có. Hàng năm, gia hạn hợp đồng, bổ sung các tính năng mới cập nhật của phần mềm.

- Cập nhật thông tin sức khỏe học sinh trên phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, giao cho bộ phận y tế nhà trường quản lý phân hệ này.

- Mở rộng phân hệ quản lý CSVC, quản lý thư viện điện tử. Khai thác, sử dụng thường xuyên và có hiệu quả các hệ thống này.

- Nâng cấp đường truyền Internet băng thông rộng để đáp ứng nhu cầu sử dụng, khai thác trực tuyến ngày càng cao của các hệ thống trực tuyến, đảm bảo nhanh, hiệu quả.

- Cài đặt phần mềm Antivirus để đảm bảo an ninh, an toàn cho dữ liệu quản lý. Quản trị hệ thống cần thường xuyên sao lưu dữ liệu phòng trường hợp có sự cố.

e. Tự đánh giá

Chỉ số	Điểm số
Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường	6
Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)	6
Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử	10
Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV	6
Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất	8
Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh	5
Có triển khai phân hệ quản lý kế toán	6
Có phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý)	6

Tổng điểm: 53 Đạt mức độ: 3.

Kết luận về Tiêu chí 2.3: Đạt mức độ 3.

4. Nhóm Tiêu chí 2.4. Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến.

a. Mô tả hiện trạng

- Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường thông qua phần mềm trực tuyến vnEdu Connect.

https://user.vnedu.vn/sso//?use_cache=0&continue=tracuu.vnedu.vn/kqht/

- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến qua phần mềm trực tuyến vnEdu.

<https://eaeosnzascsgdninhbinh.vnedu.vn/v5/>

- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt qua phần mềm trực tuyến Misa.

<https://emisapp.misa.vn/>

b. Điểm mạnh

- Công tác kết nối giữa gia đình và nhà trường được triển khai ổn định qua hệ thống vnEdu.

- Dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến tạo thuận lợi cho phụ huynh và học sinh, giảm thời gian xử lý hồ sơ, thời gian đi lại.

- Nhà trường đã thực hiện thu phí theo hình thức không dùng tiền mặt, bảo đảm công khai, minh bạch.

c. Điểm yếu

- Tỷ lệ phụ huynh sử dụng thường xuyên ứng dụng số chưa đồng đều.

- Một bộ phận phụ huynh còn hạn chế kỹ năng công nghệ thông tin.

d. Kế hoạch cải tiến

- Tăng cường hướng dẫn phụ huynh sử dụng các ứng dụng số.

- Nâng cấp quy trình tuyển sinh trực tuyến, hỗ trợ nộp hồ sơ từ xa.

- Mở rộng các kênh thanh toán điện tử để thuận tiện cho phụ huynh, học sinh khi thanh toán.

- Khảo sát định kỳ mức độ hài lòng của phụ huynh để có hướng điều chỉnh.

e. Tự đánh giá

Chỉ số	Điểm số
2.4.1. Triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường.	6,0
2.4.2. Triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến.	9,0
2.4.3. Triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt.	8,0

Tổng điểm: 23 điểm; Đạt mức độ 3.

Kết luận: Tiêu chí 2.4: Đạt mức độ 3.

5. Kết luận về nhóm tiêu chí chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục

Trên cơ sở kết quả đánh giá các tiêu chí thuộc Nhóm tiêu chí chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục, có thể khẳng định Trường THPT Gia Viễn C đã triển khai công tác quản trị số theo hướng bài bản, đồng bộ và đạt được những kết quả tích cực. Nhà trường đã thành lập bộ phận chỉ đạo chuyển đổi số với cơ cấu đầy đủ, ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin rõ ràng, phù hợp thực tiễn; đồng thời triển khai hiệu quả các phần mềm quản trị trong nhiều lĩnh vực như quản lý học sinh, đội ngũ, tài chính, cơ sở vật chất và kết nối với cơ sở dữ liệu ngành.

Việc cung cấp các dịch vụ trực tuyến như tuyển sinh, thu phí không dùng tiền mặt và kết nối giữa gia đình với nhà trường đã góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch, giảm thiểu thủ tục hành chính và tạo thuận lợi cho phụ huynh, học sinh. Các hệ thống phần mềm được sử dụng cơ bản ổn định, dữ liệu được liên thông, hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý và điều hành.

Tuy nhiên, quá trình triển khai vẫn còn một số hạn chế như: một số phân hệ chưa được khai thác đầy đủ (thư viện điện tử, quản lý y tế học đường, cơ sở vật chất); mức độ sử dụng dịch vụ số của phụ huynh chưa đồng đều; kỹ năng công nghệ thông tin của một bộ phận người dùng còn hạn chế. Những tồn tại này đòi hỏi nhà trường cần tiếp tục có giải pháp đồng bộ, chú trọng cả yếu tố kỹ thuật và con người.

Trong thời gian tới, để nâng cao hiệu quả chuyển đổi số trong quản trị, nhà trường sẽ chú trọng những nhiệm vụ sau:

1. Tập trung hoàn thiện các phân hệ quản lý còn thiếu.
2. Tăng cường tập huấn, hướng dẫn sử dụng cho cán bộ, giáo viên và phụ huynh.
3. Tiếp tục đầu tư hạ tầng công nghệ, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và nâng cao chất lượng khai thác dữ liệu phục vụ quản lý.

Từ những giải pháp này, nhà trường sẽ từng bước xây dựng hệ thống quản trị nhà trường hiện đại, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong thời kỳ chuyển đổi số.

PHẦN III. KẾT LUẬN CHUNG

Trên cơ sở kết quả tự đánh giá theo các tiêu chí chuyển đổi số, Trường THPT Gia Viễn C đạt được kết quả như sau:

Tổng số tiêu chí được đánh giá: 11 tiêu chí.

Số tiêu chí đạt Mức độ 1: 0/11 (0%).

Số tiêu chí đạt Mức độ 2: 1/11 (9,1%).

Số tiêu chí đạt Mức độ 3: 10/11 (90,9%).

Căn cứ kết quả trên, mức đánh giá chuyển đổi số của nhà trường: **Đạt Mức độ 3.**

Nhà trường đề nghị công nhận đạt mức độ chuyển đổi số trong năm học 2025-2026:
Đạt Mức độ 3

Kết quả tự đánh giá cho thấy nhà trường đã triển khai chuyển đổi số một cách tương đối toàn diện, có kế hoạch, có tổ chức và đạt hiệu quả rõ rệt ở cả hai lĩnh vực CĐS trong dạy học và CĐS trong quản trị. Hệ thống văn bản chỉ đạo được ban hành đầy đủ; các nền tảng số được triển khai đồng bộ; đội ngũ cán bộ, giáo viên cơ bản đáp ứng yêu cầu về năng lực số. Tuy nhiên, một số nội dung về hạ tầng, thiết bị và mức độ khai thác các hệ thống vẫn cần tiếp tục được hoàn thiện để nâng cao chất lượng và tính bền vững của quá trình chuyển đổi số.

Nhà trường cam kết tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, đồng thời triển khai các giải pháp cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong thời gian tới.

Ninh Bình, ngày 04 tháng 5 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

Lê Văn Thuyết

Phần IV. PHỤ LỤC
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ
MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA TRƯỜNG THPT GIA VIỄN C NĂM HỌC 2025 – 2026

TT	Tiêu chí	Điểm tự đánh giá	Đường link minh chứng
1	Chuyển đổi số trong dạy, học	75	
1.1	Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hàng năm)	Điều kiện bắt buộc	https://thptgiavienc.ninhbinh.edu.vn/loai-van-ban/ke-hoach Kế hoạch số 29/KH-GVC, 25/9/2025 https://thptgiavienc.ninhbinh.edu.vn/loai-van-ban/ke-hoach Kế hoạch số 27/KH-GVC, 22/9/2025
1.2	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến	Điều kiện bắt buộc	https://thptgiavienc.ninhbinh.edu.vn/van-ban/v-v-thanh-lap-ban-chi-dao-chuyen-doi-so-va-ung-dung-cntt Quy chế số 61/QC-GVC, 23/9/2025 https://thptgiavienc.ninhbinh.edu.vn/van-ban/ban-hanh-quy-che-ve-viec-dam-bao-an-toan-an-ninh-thong-tin-trong-ung-dung-cntt-va-chuyen-doi-so-trong-quan-ly-va-day-hoc-nam-hoc-2025-2026 Quy chế số 66/QĐ-GVC, 03/10/2025
1.3	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến:	24,0	
1.3.1	Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (ghi tên)	3,0	https://thptgiavienc.ninhbinh.edu.vn/loai-van-ban/ke-hoach Kế hoạch số 29/KH-GVC, 25/9/2025
1.3.2	Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/Hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (Cung cấp thông tin tên giải pháp; tự xây dựng/thuê/mua)	3,0	https://thptgiavienc.ninhbinh.edu.vn/loai-van-ban/ke-hoach Kế hoạch số 27/KH-GVC, 22/9/2025 Hợp đồng mua OLM
1.3.3	Hệ thống LMS/LCMS có triển khai chức năng: giáo viên giao bài cho học sinh tự học	7,0	https://olm.vn/truong-hoc/truong-thpt-gia-vien-c.30238#menu-thiet-lap-

			truong-hoc Nhóm zalo OLM hỗ trợ: https://zalo.me/g/rtbtiy737 Nhóm Zalo App Ôn luyện hỗ trợ: https://zalo.me/g/kjvavm551
1.3.4	Hệ thống LMS/LCMS có triển khai chức năng: giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh	5,0	https://olm.vn/truong-hoc/truong-thpt-gia-vien-c.30238#menu-thiet-lap-truong-hoc Nhóm zalo OLM hỗ trợ: https://zalo.me/g/rtbtiy737 Nhóm Zalo App Ôn luyện hỗ trợ: https://zalo.me/g/kjvavm551
1.3.5	Hệ thống LMS/LCMS có triển khai chức năng: tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên	3,0	https://olm.vn/truong-hoc/truong-thpt-gia-vien-c.30238#menu-thiet-lap-truong-hoc Nhóm Zalo App Ôn luyện hỗ trợ: https://zalo.me/g/kjvavm551
1.3.6	Hệ thống LMS/LCMS có triển khai chức năng: phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh	3,0	https://olm.vn/truong-hoc/truong-thpt-gia-vien-c.30238#menu-thiet-lap-truong-hoc
1.4	Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt).	10,0	https://docs.google.com/document/d/1ZQ3r1VI9NJ6yzu2ZjqVHdc5n1sNaMLMq/edit?usp=drive_link&oid=116948036774450688999&rtpof=true&sd=true https://docs.google.com/document/d/1wx9KJEBb4wKU0OzPY0sEgaaTw20rz1jo/edit?usp=drive_link&oid=116948036774450688999&rtpof=true&sd=true
1.5	Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính; có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm).	18,0	
1.5.1	Tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính	14,0	Kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch giáo dục Tổ nhóm, Kế hoạch giáo dục cá nhân giáo viên. Thống kê trên phần mềm OLM.

			<p>Thống kê trên app ôn luyện. Công văn số 122/SGDĐT-GDTrH của Sở GD&ĐT Ninh Bình ngày 16/1/2026 kì thi thử khảo sát trực tuyến lần 1. Công văn số 430/SGDĐT-GDTrH của Sở GD&ĐT Ninh Bình ngày 22/2/2026 kì thi thử khảo sát trực tuyến lần 2. Công văn số 1046/SGDĐT-GDTrH của Sở GD&ĐT Ninh Bình ngày 8/4/2026 kì thi thử khảo sát trực tuyến lần 3. Cuộc thi Ioe cấp trường</p>
1.5.2	Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường.	4,0	Kết nối OLM với phần mềm VNedu
1.6	Phát triển nguồn nhân lực chuyên đổi số	15,0	
1.6.1	Tỉ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu	7,0	Danh sách tài khoản giáo viên trên hệ thống TEMIS; Giấy chứng nhận hoàn thành các module bồi dưỡng trực tuyến.
1.6.2	Tỉ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học	4,0	Kế hoạch bài dạy (Giáo án) có thể hiện ứng dụng CNTT; Hình ảnh, video các tiết dạy có sử dụng công cụ tương tác số.
1.6.3	Tỉ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử	4,0	Kho học liệu số của nhà trường trên nền tảng lưu trữ (Google Drive/OneDrive); Quyết định khen thưởng hoặc danh sách giáo viên đạt giải trong các cuộc thi thiết kế bài giảng điện tử.
1.7	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyên đổi số dạy, học	13,0	
1.7.1	Phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học	8,0	Kế hoạch giáo dục nhà trường Sở theo dõi thiết bị
1.7.2	Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn Tin học	5,0	Kế hoạch giáo dục nhóm Tin học
1.7.3	Có phòng studio	0	

2	Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	76	
2.1	Thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số	Bắt buộc	https://thptgiavienc.ninhbinh.edu.vn/van-ban/v-v-thanh-lap-ban-chi-dao-chuyen-doi-so-va-ung-dung-cntt-tai-truong-thpt-gia-vien-c
2.2	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số	Bắt buộc	https://thptgiavienc.ninhbinh.edu.vn/van-ban/ke-hoach-ung-dung-cntt-va-chuyen-doi-so-trong-nha-truong-nam-hoc-2025-2026
2.3	Triển khai phần mềm quản trị nhà trường	53,0	
2.3.1	Ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường	6,0	Lưu văn thư, hồ sơ bộ phận phụ trách
2.3.2	Triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)	6,0	https://vnedu.vn/
2.3.3	Triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử	10,0	https://vnedu.vn/
2.3.4	Triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV	6,0	https://ccvcninhbinh.vnerp.vn/web/login#id=40465&action=131&view_type=form&menu_id=99
2.3.5	Triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất	8,0	https://emisapp.misa.vn/
2.3.6	Triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh	5,0	https://vnedu.vn/
2.3.7	Triển khai phân hệ quản lý kế toán	6,0	https://mimosapp.misa.vn/
2.3.8	Triển khai phân hệ quản lý thư viện điện tử	0	
2.3.9	Triển khai phân hệ quản lý hồ sơ chuyên môn giáo viên	0	
2.3.10	Triển khai các phần mềm phục vụ quản lý điều hành khác: Công thông tin điện tử, quản lý văn bản điện tử...		https://thptgiavienc.ninhbinh.edu.vn/ https://qlvbdh.ninhbinh.gov.vn/
2.3.11	Triển khai các phần mềm quản trị nhà trường đảm bảo kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành của Sở GDĐT, của Bộ GDĐT	6,0	https://vnedu.vn/
2.4	Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến	23,0	
2.4.1	Triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường	6,0	https://user.vnedu.vn/sso/?use_

			cache=0&continue=tracuu.vn.edu.vn/kqht/
2.4.2	Triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến	9,0	https://eaecosnzascsgdninhbinh.vn.edu.vn/v5/
2.4.3	Triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt	8,0	https://emisapp.misa.vn/
	Mức độ chuyển đổi số trong dạy, học: Mức 3		
	Mức độ chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục: Mức 3		
	Mức độ chuyển đổi số của đơn vị: Mức 3		